

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HS-ST

Ngày: 22-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Ánh

Ông Phan Văn Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh N, sinh ngày 03/10/2002 tại huyện BT, tỉnh V; Nơi cư trú: Ấp Hòa H, xã Nguyễn Văn T, huyện BT, tỉnh V; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Minh T; chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/02/2023 và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Trương Thế T**, sinh năm 1994. Nơi đăng ký thường trú: Thôn Mỹ H, xã Mỹ T, huyện Lê T, tỉnh Q. Chỗ ở hiện nay: Ấp Hòa H, xã Nguyễn Văn T, huyện BT, tỉnh V. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh N và anh Trương Thế T quen biết nhau như bạn bè do có thời gian đi làm chung ở công trình đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ đi qua khu vực xã Nguyễn Văn T, huyện BT, tỉnh V.

Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 05/02/2023 Nguyễn Thanh N đến nhà trọ do anh Trương Thế T thuê ở để chơi và xin ngủ nhờ qua đêm thì anh T đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, N thấy anh T và anh Hoàng H (anh H là bạn ở cùng nhà trọ với anh T) đã ngủ nên N nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 68B1 - 511.65 của anh T, nên N vào phòng ngủ của anh T lấy chìa khóa xe rồi đi ra ngoài mở khóa cửa nhà, rồi N lén lút dẫn chiếc xe mô tô biển số 68B1 - 511.65 ra đường lộ nhựa, dùng chìa khóa mở ổ khóa xe rồi N điều khiển xe lấy trộm đi đến khu vực huyện Bình Đ, tỉnh B để gặp bạn gái tên Trần Nguyễn Mai A chở đi chơi, sau đó N điều khiển xe đến nhà bạn tên Trần Thị Thảo N ở ấp Giồng K, xã Phú L, huyện Bình Đ, tỉnh B để tháo gỡ kiến hậu, đèn xi nhan và một số dàn mũ đầu xe gửi ở nhà chị N để thay đổi đặc điểm xe tránh bị phát hiện. Sau đó, N chở Trần Nguyễn Mai A về nhà ở ấp Định Phú C, xã Long T, huyện TC, tỉnh T chơi và tháo biển số xe mô tô 68B1 - 511.65 (là xe vừa lấy trộm của anh T) đưa cho Mai A cất giữ dùm, tiếp tục N chạy xe mô tô này không gắn biển số đến khu vực xã Phú L, huyện Bình Đ, tỉnh B để thuê nhà trọ ở, do cần tiền nên N đem bán lại bộ phận giảm thanh xe mô tô 68B1 - 511.65 cho người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 500.000 đồng, khi có được tiền N mua lại bộ phận giảm thanh khác thay vào xe và trả tiền thuê nhà trọ.

Đến ngày 17/02/2023 Nguyễn Thanh N chạy xe mô tô lấy trộm của anh T không gắn biển số thì bị Lực lượng Công an xã Phú L, huyện Bình Đ, tỉnh B tuần tra phát hiện bắt giữ lại và giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện BT, tỉnh V xử lý.

Qua quá trình điều tra Nguyễn Thanh N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số: 04/KLĐGTS ngày 16/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện BT kết luận “Xe mô tô biển số 68B1 - 511.65 có giá trị là 18.200.000 đồng”.

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 18/02/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản” và ra lệnh tạm giam để điều tra đến nay.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô loại Exciter màu xanh đen, có số khung 1010LY321595, số máy G3D4E1083642; 01 biển số 68B1 - 511.65; 02 bửng trước màu xanh bằng nhựa, 01 gương chiếu hậu bên trái màu đen, bằng kim loại; 01 dè chắn bùn trước màu đen bằng nhựa; 01 ốp bô xe phía trên, màu đen bằng nhựa; 01 ốp bô xe phía sau, màu bạc bằng nhựa; 01 bara để đồ màu đen bằng nhựa; 01 cặp đèn xi nhan trước màu đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68B1 - 511.65.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trương Thế T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu Nguyễn Thanh N bồi thường gì thêm.

Tại cáo trạng số: 23/CT-VKSBT ngày 10/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Thanh N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo N.

Đối với Trần Thị Thảo N và Trần Nguyễn Mai A không biết bị cáo Nguyễn Thanh N trộm cắp xe nên không liên quan đến vụ án, không có căn cứ để xử lý.

Đối với người đàn ông đã mua bộ phận giảm thanh xe mô tô do bị cáo Nguyễn Thanh N lấy trộm đem bán, do không xác định được ở đâu, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trương Thế T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh N bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 xe mô tô loại Exciter màu xanh đen, có số khung 1010LY321595, số máy G3D4E1083642; 01 biển số 68B1 - 511.65; 02 bửng trước màu xanh bằng nhựa, 01 gương chiếu hậu bên trái màu đen, bằng kim loại; 01 dè chắn bùn trước màu đen bằng nhựa; 01 ốp bộ xe phía trên, màu đen bằng nhựa; 01 ốp bộ xe phía sau, màu bạc bằng nhựa; 01 bara để đồ màu đen bằng nhựa; 01 cặp đèn xi nhan trước màu đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68B1 - 511.65. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT đã trả những tài sản trên cho anh Trương Thế T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét, giải quyết.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp số tiền 500.000 đồng tiền bán bộ phận giảm thanh của xe mô tô biển số 68B1 - 511.65 để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh N khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V đã truy tố, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Trương Thế T trình bày: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh N bồi thường gì thêm. Về hình sự bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thanh N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Vào chiều ngày 05/02/2023 bị cáo Nguyễn Thanh N đến nhà trọ do anh Trương Thế T thuê để ở tại ấp Hòa H, xã Nguyễn Văn T, huyện BT, tỉnh V chơi và xin ngủ nhờ qua đêm, lợi dụng lúc anh T đang ngủ bị cáo N đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 68B1 - 511.65 có giá trị 18.200.000 đồng của anh T. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân BT, tỉnh V truy tố bị cáo Nguyễn Thanh N với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3]. Về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh N là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, bị cáo Nguyễn Thanh N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải, vật chất cho bản thân, nhưng bị cáo lại lười lao động, chỉ thích hưởng thụ, vì lòng tham và lợi dụng sự tin tưởng, sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại nên bị cáo đã lấy trộm xe mô tô biển số 68B1 - 511.65 có giá trị 18.200.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử ngày hôm nay là

cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sau này và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”; do đó, bị cáo N có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có điều kiện về kinh tế, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N.

[6] Đối với Trần Thị Thảo N và Trần Nguyễn Mai A không biết bị cáo Nguyễn Thanh N trộm cắp xe nên không liên quan đến vụ án, không cần phải xử lý.

[7] Đối với người đàn ông đã mua bộ phận giảm thanh xe mô tô do bị cáo Nguyễn Thanh N lấy trộm đem bán, do không xác định được ở đâu, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trương Thế T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh N bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô loại Exciter màu xanh đen, có số khung 1010LY321595, số máy G3D4E1083642; 01 biển số 68B1 - 511.65; 02 bửng trước màu xanh bằng nhựa, 01 gương chiếu hậu bên trái màu đen, bằng kim loại; 01 dè chắn bùn trước màu đen bằng nhựa; 01 ốp bô xe phía trên, màu đen bằng nhựa; 01 ốp bô xe phía sau, màu bạc bằng nhựa; 01 bara đề đồ màu đen bằng nhựa; 01 cặp đèn xi nhan trước màu đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68B1 - 511.65. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Tân đã trả những tài sản trên cho anh Trương Thế T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp số tiền 500.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán bộ phận giảm thanh của xe mô tô biển số 68B1 - 511.65 để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2023.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thanh N.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp số tiền 500.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ lưu);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Hùng